

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Trường MN Hoa Mai**
Chương: 822

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III - NĂM 2025
(*Kèm theo Quyết định số 17/QĐ- UBND ngày 30/07/2025 của UBND PHƯỜNG BÌNH DƯƠNG*)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-
1	Lệ phí			
2	Phí	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	24,276,700	24,276,700	-
I	Chi sự nghiệp bậc học mầm non	24,276,700	24,276,700	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	24,276,700	24,276,700	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-
1	Lệ phí			
2	Phí	-	-	-
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2,135,010,773	2,135,010,773	-
6000	Tiền lương	981,115,198	981,115,198	-
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	228,132,000	228,132,000	-
6100	Phụ cấp lương	468,711,362	468,711,362	-
6250	Phúc lợi tập thể			
6300	Các khoản đóng góp	321,680,120	321,680,120	-
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	34,737,433	34,737,433	-
6550	Vật tư văn phòng	28,043,820	28,043,820	-
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1,125,000	1,125,000	-
6700	Công tác phí	3,000,000	3,000,000	-
6750	Chi phí thuê mướn	5,940,000	5,940,000	-
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	57,827,520	57,827,520	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	4,205,520	4,205,520	-
7750	Chi khác	492,800	492,800	-
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	211,314,795	211,314,795	-

Bình Dương ngày 6 tháng 10 năm 2025

Hiệu trưởng



Lê Thị Tuyết Mai